TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình " Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

* Luật sư: Quách Thanh P – Văn phòng L3 – Đoàn Luật sư tỉnh A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L

2. *Bị đơn:* anh Đỗ Văn L1, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: tổ D, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị L xin vắng mặt, anh L1 vắng mặt, L2 sư P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Chị và anh L1 do mai mối, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới

năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2013 ngày 01 tháng 11 năm 2013.

Sau khi cưới vợ chồng đi làm công nhân ở quận I, TP HCM, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh L1 ham chơi cờ bạc, không lao động để lo cho vợ con, chị có khuyên can nhiều lần không được, vợ chồng cải vã thường xuyên nên anh L1 bỏ đi cho đến nay, vợ chồng chính thức ly thân, thời gian ly thân anh L1 và chị không có liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn L1.

Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Q, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2018, hiện 02 con chung đang sống với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con 2 con chung không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Đỗ Văn L1 vắng mặt từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

* Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị L phát biểu ý kiến: Do chị L và anh L1 ly thân khá lâu, hai người không chủ động liên lạc để hàn gắn do đó tình cảm phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không tồn tại, vì vậy đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của chị L, về con chung chị L và anh L1 có 2 con, hiện các cháu do chị L chăm sóc cũng ổn định nên đề nghị HĐXX giao cho chị L nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng, về tài sản không có tranh chấp.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh L1 được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị L có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh L1 và chị L theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do mai mối được cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh L1 ham chơi, tham gia tệ nạn xã hội, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đến năm 2020 anh L1 bỏ đi vợ chồng ly thân, chị L, anh L1 không liên lạc để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị T1 (mẹ ruột của chị L), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Q, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2018, hiện 02 con chung đang sống với chị L, ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con 2 con chung không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Trần Thị Kim L yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Đỗ Văn L1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh L1 cư trú tại: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị L khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị L xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến naăm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh L1 ham chơi tham gia tệ nạn xã hội, vợ chồng thường xuyên cãi nhau đến năm 2020 anh L1 bỏ đi, từ đó vợ chồng ly thân, anh L1 và chị L không liên lạc để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị T1 (mẹ ruột của chị L), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Q, sinh ngày 31/12/2014

và Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2018, hiện 02 con chung đang sống với chị L, ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con 2 con chung không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng

nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện 02 con chung đang do chị L chăm sóc ổn định phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên HĐXX giao cháu Q và cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh L1 không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị L khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh L1, chị L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: chị Trần Thị Kim L là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kim L đối với anh Đỗ Văn L1.

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Đỗ Văn L1.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Đỗ Thị Kim Q, sinh ngày 31/12/2014 và Đỗ Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2018 cho chị Trần Thị Kim L nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Đỗ Văn L1 không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006083 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Đỗ Văn L1 không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện PT;
-CCTHADS huyện PT;
-TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã Phú Lâm,
huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến